

Bản án số: 210/2022/DS-ST  
Ngày 07-7-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Bích Loan

Ông Phan Minh Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 526/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2022/QĐHPT-DSST ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức Thắng, sinh năm 1984; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Thi T; Cư trú tại: Số 124/5 đường B (số mới 433/38/10 đường L, tổ 19), Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 50/5A đường P, Tổ 23, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2020 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 28/02/2007, bà T ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 (mười triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao

dịch với tổng số tiền là 17.300.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.000.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 01/4/2010, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 06/5/2022, bà T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc số tiền 46.737.807 đồng

Nợ quá hạn 180.719.424 đồng

Tổng cộng: 227.457.231 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 06 tháng 5 năm 2022 là 227.457.231 đồng bao gồm 46.737.807 đồng nợ gốc và 180.719.424 đồng lãi quá hạn và lãi phát sinh từ ngày 07/5/2022 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

*Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn đến làm việc tại Toà án nhân dân quận Gò Vấp nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn đã làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S nên đây là vụ án “tranh chấp

hợp đồng tín dụng”, bà T không thanh toán nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện bà T tại nơi bà cư trú. Theo xác nhận của Công an Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận của Công an Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T có đăng ký thường trú tại Phường 17, quận G và có đăng ký tạm trú tại Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên hiện nay bà T không còn cư trú tại hai địa chỉ trên và không thông báo cho Ngân hàng TMCP S biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Do đó, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên tòa vào ngày 08/6/2022 và ngày 07/7/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

*Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 06/5/2022 là 227.457.231 (hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, hai trăm ba mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 46.737.807 đồng và 180.719.424 đồng lãi quá hạn, phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/02/2007, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Bà T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S và được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1,75%/tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.300.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.000.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng theo thứ tự: Các khoản phí và lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Vì vậy, đến ngày 01/4/2010 bà Trang còn dư nợ là 46.737.807 đồng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, còn nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 06/5/2022 là 227.457.231 (hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, hai trăm ba mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 46.737.807 đồng và 180.719.424 đồng lãi quá hạn. Nguyên đơn đã áp dụng mức lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng và phù hợp

với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên việc yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán nợ vốn và lãi có cơ sở chấp nhận.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 227.457.231 (hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, hai trăm ba mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 46.737.807 đồng và 180.719.424 đồng lãi quá hạn, phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/02/2007. Kể từ ngày 07/5/2022, bà T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.372.862 (mười một triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi hai) đồng. Hoàn tiền tạm nộp án phí là 4.965.639 (bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi chín) đồng cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S: Buộc bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 227.457.231 (hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, hai trăm ba mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 46.737.807 đồng và 180.719.424 đồng lãi quá hạn, phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/02/2007, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/5/2022, bà T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 02 năm 2007 cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/02/2007, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 11.372.862 (mười một triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi hai) đồng bà T phải chịu. Hoàn tiền tạm nộp án phí là 4.965.639 (bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi chín) đồng cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu số 0027542 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Ngân hàng TMCP S, bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKS quận Gò Vấp;
- Đường sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Hùng**